

Bản án số: **33** /2018/HS-ST
Ngày 15 – 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Cường

Ông Lê Tuấn Việt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hồng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2018/HSST ngày 04 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXST - HS ngày 01/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Phạm Lê A (B), sinh ngày 15/5/1978; sinh và trú tại: Thôn 1, xã H G, huyện N C, tỉnh T H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; con ông: Phạm Văn Miền (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1948; Có vợ là Trương Thị M và có 01 con, Phạm Thanh H, sinh năm 2007; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Trung Th, sinh ngày 10/10/1981; sinh và trú tại: Thôn 4, xã Tr, huyện N C, tỉnh Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông: Lê Trung T, sinh năm: 1942 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1950; Có vợ đã bỏ đi, có 01 con, Lê Thị Thanh T, sinh năm 2011; Tiền án: Tại bản án số 14/2012/HSST ngày 20/03/2012 bị TAND huyện Nông Cống xử 6 năm tù giam về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong án vào tháng 5 năm 2016 về địa phương cư trú đến nay; Tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ từ ngày 09/01/2018 đến

ngày 18/01/2018 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Thị M, sinh ngày 28/11/1975; sinh và trú tại: Thôn Th H, xã Tr Ch, N C, Thanh Hoá; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; con ông: Lê Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1933; có chồng Trịnh Văn K, sinh năm 1977 và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2008; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

4. Những người tham gia tố tụng khác:

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung Th*: Bà Nguyễn Thị Quê

Là trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Có mặt)

- *Người bị hại*:

Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1962(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Trung Ý, huyện Nông Cống, Thanh Hoá

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Hà Minh T, sinh năm 1983(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã H G, huyện N C, tỉnh Thanh Hoá.

2. Ông Hà Minh Tr, sinh năm 1947(Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 1, xã H G, huyện N C, tỉnh Thanh Hoá.

3. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1990. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn H C, xã H, huyện N C, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ, ngày 25/11/2017 Lê Trung Th điều khiển xe mô tô một mình đi chơi. Khi tới ngã 5 Hoàng Sơn, thuộc xã H S, N C thì gặp Phạm Lê A đang đi bộ. Gặp Th, A rủ Th vào bệnh viện Tâm Đức thuộc thôn Bi Kiều, xã Trung Chính, huyện Nông Cống thăm người ốm. Thấy khu vực sau Bệnh viện Tâm Đức có công trường đang xây dựng nên A đã rủ Th vào lấy trộm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Th đồng ý, sau đó A điều khiển xe mô tô ra cổng, vòng theo đường ruộng bên hông bệnh viện ra khu vực phía sau, gần kho chứa đồ, còn Th đi bộ từ Bệnh viện sang công trường. Th lấy thanh sắt ở công trường cạy cửa kho, sau đó nhảy lên bờ tường ngồi cạnh giới. A vào kho lấy 01 mô tơ điện; 01 khung máy đuổi sắt; 01 máy cắt sắt bàn (loại to); 01 máy cưa cầm tay (loại nhỏ); 01 cuộn dây điện mang ra để cạnh cửa sắt rồi nhảy ra cùng Th xếp đồ lên xe mô tô. Sau

khi xếp đồ xong, Th tiếp tục nhảy vào lấy: 01 ấm điện siêu tốc và chõ tài sản vừa lấy được về nhà Phạm Lê A ở xã H G, huyện N C. Còn A đi bộ theo đường ruộng cầm theo 01 máy cưa cầm tay loại nhỏ, 01 thanh sắt (dùng phá cửa) và 01 ấm điện siêu tốc. Trên đường đi về A đã vớt 01 thanh sắt và 01 ấm điện ở cánh đồng, sau đó cả hai đi ngủ. Sáng ngày hôm sau Phạm Lê A chõ 01 máy cắt sắt bàn đi bán cho Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 ở thôn Th, xã Tr Ch, huyện N C với giá 600.000đ; 01 mô tơ điện và 01 cuộn dây điện bán cho anh Hà Minh T, sinh năm 1983 ở thôn 1 xã H G, huyện N C với giá 600.000đ; 01 máy cưa sắt cầm tay bán cho ông Hà Minh Tr, sinh năm 1947 ở thôn 1 xã H G, huyện N C với giá 200.000đ. Còn 01 khung máy duỗi sắt, vài ngày sau đó Th đã mang bán cho chị Lê Thị Y, sinh năm 1990 ở thôn H C, xã H S, huyện N C với giá 400.000đ. Số tiền thu được từ việc bán tài sản trộm cắp, A và Th đã cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi bị mất trộm tài sản, ông Nguyễn Thanh M đã đi tìm và dò hỏi tin tức thì biết được anh Hà Minh T đã mua 01 mô tơ điện và 01 cuộn dây điện do Phạm Lê A đã trộm cắp và bán với giá 600.000đ nên ngày 28/11/2017 ông đã tới chuộc lại với giá 600.000đ.

Theo báo cáo của ông Nguyễn Thanh M, vào đêm 25/11/2017 tại Công trường xây dựng sau bệnh viện Tâm Đức ông bị kẻ gian trộm cắp một số tài sản, gồm: 01 máy bàn cắt sắt, hiệu Sencan; 01 thanh xà cày, dài 50 cm; 01 mô tơ điện Đông Phát, kiểu YL90S-4, điện áp 220v-50Hz; 30m dây điện 752090M 60227 IEC 53 300/500V; 01 khung máy duỗi sắt; 01 ấm điện siêu tốc; 01 máy cưa cầm tay (loại nhỏ) hiệu Makitan.

Ngày 15/01/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Nông Cống đã tiến hành định giá đối với các tài sản bị mất như trên, Kết luận: tại thời điểm bị mất trộm các tài sản trên có giá trị như sau: 01 máy bàn cắt sắt, hiệu Sencan; Trị giá 2.000.000đ; 01 thanh xà cày, dài 50 cm. Trị giá 80.000đ; 01 mô tơ điện Đông Phát, kiểu YL90S-4, điện áp 220v-50Hz. Trị giá 1.500.000đ; 30m dây điện 752090M 60227 IEC 53 300/500V; Trị giá 300.000đ; 01 khung máy duỗi sắt; Trị giá 800.000đ; 01 ấm điện siêu tốc; Trị giá 90.000đ; 01 máy cưa cầm tay (loại nhỏ) hiệu Makitan; Trị giá 1.000.000đ. Tổng 07 khoản tài sản, trị giá: 5.770.000đ.

Số tài sản trên đã trả lại cho người bị hại, đối với số tiền chuộc lại tài sản riêng và 01 ấm siêu tốc và 01 thanh xà cày không tìm thấy ông M không yêu cầu A và Th phải bồi thường.

Trong vụ án này có hành vi của ông Hà Minh Tr, anh Hà Minh T và chị Lê Thị Y đã mua lại tài sản do Phạm Lê A và Lê Trung Th trộm cắp được mà có, tuy

nhiên khi mua các tài sản trên ông Tr, anh T và chị Y không biết đó là tài sản do trộm cắp được mà có, nên không có căn cứ xử lý;

Đối với số tiền 600.000 do bán tài sản trộm cắp được mà có cho anh Hà Minh T, ông Nguyễn Thanh M đã chuộc lại được và 400.000đ bán tài sản cho chị Y, 200.000 bán cho ông Tr, ông M, chị Y và ông Tr không có yêu cầu Th và A phải bồi thường lại số tiền trên.

Đối với chiếc xe mô tô do Lê Trung Th và Phạm Lê A sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định: chiếc xe trên là của Th mua lại vào khoảng tháng 10 năm 2017 của một người khách uống Cà phê tại quán Nhật Nguyệt ở Cầu Quan, xã Trung Chính, huyện Nông Cống, xe không có biển kiểm soát và không có giấy tờ, sau khi trộm cắp tài sản ở Bệnh viện Tâm Đức vào ngày 25/11/2017 tới vài ngày hôm sau Th đã bán lại cho một người khách uống Cà phê khác không quen biết với giá 600.000đ. Do vậy cơ quanĐT đã không thu hồi được chiếc xe mô tô trên.

Tại bản cáo trạng số: 31/CTr - VKS ngày 02/5/2018 của VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo Phạm Lê A và Lê Trung Th ra trước toà để xét xử về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS. Truy tố bị cáo Nguyễn Thị M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 điều 250 BLHS.

Tại phiên toà công khai các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện VKS luận tội khẳng định bị cáo Phạm Lê A và bị cáo Lê Trung Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị M về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 138, điểm h, p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46, điều 20 và điều 33 BLHS, tuyên phạt bị cáo Phạm Lê A từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm p khoản 1 điều 46, điểm g khoản 1 điều 48, điều 20 và điều 33 BLHS, tuyên phạt bị cáo Lê Trung Th từ 18 đến 24 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 250 điểm h, p khoản 1 điều 46 và điều 60 BLHS, đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.800.000đ. Bị cáo A, M phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo Th thuộc hộ cận nghèo nên miễn tiền án phí HSST.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Trung Th đề nghị HĐXX áp dụng: Điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46 điểm g khoản 1 điều 48 BLHS, tuyên phạt từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nông Cống, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, Kiểm sát viên, HĐXX và thư ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Nhận định về hành vi phạm tội của bị cáo:

Thông qua tranh tụng tại phiên tòa bị cáo Phạm Lê A và Lê Trung Th đã hoàn toàn thừa nhận: Vào khoảng 22 giờ, ngày 25/11/2017 các bị cáo có hành vi lén lút trộm cắp tài sản tại công trường bệnh viện Tâm Đức. Tài sản gồm: 01 máy bàn cắt sắt, hiệu Sencan; 01 thanh xà cày, dài 50 cm; 01 mô tơ điện Đông Phát, kiểu YL90S-4, điện áp 220v-50Hz; 30m dây điện 752090M 60227 IEC 53 300/500V; 01 khung máy duỗi sắt; 01 ấm điện siêu tốc; 01 máy cưa cầm tay (loại nhỏ) hiệu Makitan. Tài sản thuộc sở hữu của ông Nguyễn Thanh M đã được Hội đồng định giá là 5.770.000đ. Bị cáo Nguyễn Thị M thừa nhận khi mua 01 máy cắt sắt do bị cáo A mang đến bán, Mai đã biết rõ đó là tài sản A trộm cắp tại công trường xây dựng bệnh viện Tâm Đức nhưng thấy rẻ nên vẫn mua.

Đối chiếu với lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thấy hoàn toàn phù hợp. Như vậy, HĐXX xét thấy có đủ căn cứ chứng minh: Phạm Lê A và Lê Trung Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Nguyễn Thị M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo theo khoản 1 điều 138, và khoản 1 điều 250 BLHS. VKSND huyện Nông Cống truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và quan hệ pháp luật xâm phạm:

Tính chất ít nghiêm trọng, động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo là trộm cắp tài sản để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm trật tự công cộng và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi của bị cáo cần xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tội danh và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ:

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm, được quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS. Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của bị cáo Mai đủ yếu tố cấu thành tội phạm, được quy định tại khoản 1 điều 250 BLHS. Như vậy tội danh chính thức được thành lập.

Trong vụ án này hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội. Tuy là đồng phạm có sự bàn bạc trước nhưng mang tính giản đơn. Đánh giá vai trò của bị cáo thì thấy: Bị cáo A là người khởi xướng, đồng thời là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo Th là người thực hành tích cực hành vi trộm cắp tài sản. Do đó vai trò của bị cáo A cao hơn bị cáo Th.

Bị cáo Th có 01 tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Bị cáo A và M không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ gồm: thành khẩn khai báo, theo điểm pkhoản 1 điều 46 BLHS. Bị cáo A và M được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố, mẹ là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm h khoản 1 Điều 46 và khoản 2 điều 46 BLHS.

Căn cứ vào tính chất và các tình tiết của vụ án, HĐXX xét thấy bị cáo A tuy chưa có tiền án tiền sự, nhưng là đối tượng nhân thân xấu, sử dụng ma túy đá, trong một thời gian ngắn đã phạm nhiều tội. Bị cáo Th nhân thân xấu. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc trong môi trường giam giữ là cần thiết. Có như vậy mới đủ điều kiện, thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Đối với bị cáo M chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên cho bị cáo được cải tại tại địa phương là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với hành vi mua tài sản trộm cắp của ông Hà Minh Tr, anh Hà Minh T và chị Lê Thị Y, qua tranh tụng tại phiên tòa, không chứng minh được hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã trả lại cho người bị hại, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm, nên Toà không xem xét.

Đối với số tiền 1.800.000đ, tại phiên tòa bị cáo A thừa nhận đã sử dụng riêng 1400.000đ, bị cáo T sử dụng 400.000đ. Đây là số tiền thu lời bất chính từ việc phạm tội, do vậy cần truy thu sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí HSST. Đối với Lê Trung Th thuộc hộ cận nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí HSST cho Lê Trung Th.

Từ những căn cứ nêu trên

QUYẾT ĐỊNH

- *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Lê A và Lê Trung Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 138; điểm h, p Khoản 1 Điều 46, khoản 2 điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53; điểm b, khoản 1 Điều 41 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Phạm Lê A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 138; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 điều 48; Điều 20; Điều 33; điểm b, khoản 1 Điều 41; Điều 53 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Lê Trung Th 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/01/2018.

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 250; điểm h, p Khoản 1 Điều 46; khoản 2 điều 46; Điều 60 BLHS.

- *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thị M 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Thị M cho UBND xã Trung Chính, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục, trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tịch thu vào ngân sách nhà nước số tiền 1.800.000đ do phạm tội mà có. Chia phần cụ thể: Bị cáo Phạm Lê A phải nộp 1.400.000đ. Bị cáo Lê Trung Th phải nộp 400.000đ.

- *Trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận tài sản đã trả lại đầy đủ cho người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- *Án phí:* Áp dụng điểm a khoản 1 điều 23; điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Khoản 1 điều I Mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên Phạm Lê A và Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí HSST. Miễn toàn bộ tiền án phí HSST cho Lê Trung Th

- *Quyền kháng cáo:* Áp dụng điều 331, 333 BLTTHS tuyên bố quyền kháng cáo bản án cho các bị cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại; Người LQ
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan Thị hành án DS;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hữu Thắng

